

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN L
TỈNH B

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 01/2024/HNGĐ-ST

Ngày 16/12/2024.

V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN L

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Xuân Hà.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Vũ Văn Vừng và ông Nguyễn Xuân Quốc.

- Thư ký phiên tòa: Ông Đỗ Quang Thiên - Thư ký Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh B.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện L tỉnh B tham gia phiên toà: Ông Đỗ Tá Tuấn - Kiểm sát viên.

Ngày 16/12/2024 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh B xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 08/2024/TLST-HNGĐ, ngày 21/10/2024 về "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2024/QĐXXST-DS, ngày 19/11/2024, giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Anh Nguyễn Đức H, sinh năm 1994; nơi cư trú: Thôn 1, xã L, huyện T, thành phố P (có mặt).

* Bị đơn: Chị Trương Thị H, sinh năm 1993; nơi cư trú: Thôn Hương Chi, xã P, huyện L, tỉnh B (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai và các văn bản làm việc ở Toà án anh Nguyễn Văn H là nguyên đơn trình bày:

Về quan hệ vợ chồng: Anh H kết hôn với nhau chị Trương Thị H vào ngày 07/12/2021. Trước khi cưới đôi bên có được tìm hiểu và tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện T, thành phố P. Sau cưới theo phong tục tập quán của địa phương chị H về chung sống cùng anh H ngay. Vợ chồng có thời gian ngắn chung sống hòa thuận hạnh phúc.

Mâu thuẫn vợ chồng phát sinh từ tháng 10/2023, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm nên vợ chồng thường xuyên cãi chửi nhau. Mâu thuẫn vợ chồng xảy ra

ngày càng trầm trọng và trầm trọng nhất từ tháng 12/2023 cũng từ nguyên nhân trên và chị H về nhà để ở. Tết nguyên đán năm 2024 chị H có về nhà anh H chung sống và vợ chồng tiếp tục xảy ra việc cãi chửi nhau, chị H ở nhà anh H được 04 ngày thì chị H lại về nhà để nhà chị H ở từ đó đến nay vợ chồng sống ly thân, chấm dứt quan hệ. Tháng 01/2024 anh H làm đơn khởi kiện xin ly hôn gửi Tòa án nhân dân huyện T, thành phố P giải quyết, nhưng trong quá trình giải quyết do chị H không cư trú tại Thôn 1, xã L, huyện T, thành phố P nên Tòa án nhân dân huyện T đã chuyển vụ án của anh H khởi kiện đến Tòa án nhân dân huyện L giải quyết theo thẩm quyền. Nay anh H xác định mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, không có khả năng đoàn tụ nên anh H đề nghị Tòa án giải quyết cho anh H được ly hôn với chị H càng sớm càng tốt.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là cháu Nguyễn Ngọc Minh C, sinh ngày 23/12/2021, hiện nay cháu C đang do chị H nuôi dưỡng. Ly hôn, do cháu C dưới 36 tháng tuổi, cháu C đang do chị H nuôi dưỡng và chị H muốn được nuôi cháu C nên ly hôn anh H đồng ý cho chị H được trực tiếp nuôi cháu C và anh tự nguyện cấp dưỡng nuôi con 4.000.000 đồng/tháng. Hiện nay anh H đang làm Công nhân tại Công ty LITO có trụ sở tại khu công nghệ VISHIP P. Thu nhập bình quân từ 8.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng.

Về tài sản chung, nợ chung, công sức và ruộng đất nông nghiệp: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong văn bản trình bày ý kiến và đơn đề nghị chị Trương Thị H là bị đơn trình bày:

Về quan hệ vợ chồng: Chị H xác định không hiểu sao mà từ cuối năm 2023 anh H sống lạnh nhạt với chị và từ đầu năm 2024 đến nay chị đã về nhà để chị ở. Nay anh H anh xin ly hôn, chị đồng ý ly hôn và muốn chấm dứt quan hệ vợ chồng với anh H.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là cháu Nguyễn Ngọc Minh C, sinh ngày 23/12/2021, hiện nay cháu C đang do chị nuôi dưỡng. Ly hôn, chị H nhận nuôi cháu C đến tuổi trưởng thành và yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Về tài sản chung, nợ chung, công sức và ruộng đất nông nghiệp: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán và Hội đồng xét xử: Thẩm phán; Hội đồng xét xử và thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng quy định của pháp luật từ khi thụ lý, xây dựng hồ sơ vụ án, tổ chức hòa giải và điều hành phiên tòa.

- Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Từ khi vụ án thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn và bị đơn đều đã chấp hành đúng các quy định tại các Điều 70, 71, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Những yêu cầu, kiến nghị cần khắc phục vi phạm về tố tụng: Không.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Sau khi phân tích đánh giá Đại diện VKS đề nghị HĐXX: Áp dụng các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, Điều 53, 56, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, xử:

+ Về quan về hệ hôn nhân: Xử cho anh Nguyễn Văn H được ly hôn với chị Trương Thị H.

+ Về con chung: Giao cháu Nguyễn Ngọc Minh C, sinh ngày 23/12/2021 cho chị H được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Anh H phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con với số tiền là 4.000.000 đồng/tháng, thời gian cấp dưỡng nuôi con tính từ tháng 12/2024 đến khi con đủ 18 tuổi.

+ Về án phí: Anh Nguyễn Văn H phải chịu án phí ly hôn và án phí cấp dưỡng nuôi con sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ được thẩm tra tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Xét yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Văn H đối với chị Trương Thị H và Quyết định chuyển hồ sơ vụ án của Tòa án nhân dân huyện Thủy Nguyên, thành phố P thì thấy: Chị Trương Thị H có nơi cư trú: Thôn Hương Chi, xã Phú Hoà, huyện L, tỉnh B. Do vậy, vụ án trên thuộc thẩm quyền của Tòa án cấp huyện và thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện L được quy định tại các Điều 28, 35, 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa hôm nay mặc dù chị H vắng mặt, nhưng chị H đã được Tòa án tổng đạt Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Giấy triệu tập phiên tòa theo đúng quy định của pháp luật và chị H đã có đơn đề nghị xử vắng mặt nên HĐXX vẫn tiến hành xét xử vụ án trên là phù hợp với Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Văn H kết hôn cùng chị Trương Thị H vào ngày 07/12/2021 trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện T, thành phố P. Do vậy, đã có đủ căn cứ kết luận quan hệ hôn nhân giữa anh H và chị H là hợp pháp. Quá trình chung sống chị H xác định vợ chồng

không có mâu thuẫn gì, nhưng căn cứ vào lời khai của anh H và Biên bản xác minh của bà Phạm Thị Dung là mẹ đẻ chị H, Hội đồng xét xử đã có đủ cơ sở xác định nguyên nhân xảy ra mâu thuẫn của vợ chồng anh H và chị H là do chị H nghi ngờ anh H có biểu hiện quan hệ nam nữ bất chính nên vợ chồng đã chấm dứt quan hệ vợ chồng từ tháng 01/2024 đến nay. Nay anh H xác định mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh H xin ly hôn, chị H đồng ý ly hôn. Do vậy, HĐXX chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh H và xử cho anh H được ly hôn với chị H phù hợp với Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình nên được chấp nhận.

[3]. Về con chung: Xác nhận anh H và chị H có 01 con chung là cháu Nguyễn Ngọc Minh C, sinh ngày 23/12/2021, hiện nay cháu C đang do chị H nuôi dưỡng. Xét thấy hiện nay cháu C hiện dưới 36 tháng tuổi và đang ở với chị H; mặt khác chị H nhận nuôi con và anh H đồng ý nên Hội đồng xét xử giao cháu C cho chị H được trực tiếp nuôi cháu C là phù hợp với các Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình. Xét về mức cấp dưỡng con thì thấy: Chị H yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật, anh H tự nguyện cấp dưỡng nuôi con 4.000.000 đồng/tháng. Xét thấy, số tiền 4.000.000 đồng/tháng anh H tự nguyện cấp dưỡng là phù hợp với quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

[4]. Về tài sản chung, nợ chung, công sức và ruộng đất nông nghiệp: Xét thấy anh H và chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét, giải quyết.

[5]. Về án phí: Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Anh Nguyễn Văn H là nguyên đơn trong vụ án nên anh H phải chịu 300.000 đồng ly hôn sơ thẩm. Anh H phải chịu 300.000 đồng tiền án phí cấp dưỡng nuôi con sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28, 35, 39, 147, Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, Điều 56, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án, xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho anh Nguyễn Văn H được ly hôn với chị Trương Thị H.

3. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Ngọc Minh C, sinh ngày 23/12/2021 cho chị H được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh H có quyền, nghĩa vụ thăm nom

con mà không ai được cản trở. Anh H phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con 4.000.000 đồng/tháng, thời gian cấp dưỡng nuôi con tính từ tháng 12/2024 đến khi cháu C đủ 18 tuổi.

4. Về án phí: Anh Nguyễn Văn H phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng anh H đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thuỷ Nguyên, thành phố P theo biên lai số: 0009920, ngày 16/5/2024. Xác nhận anh H đã nộp đủ 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Buộc anh Nguyễn Văn H phải chịu 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con sơ thẩm.

5. Quyền kháng cáo: Anh Nguyễn Văn H có mặt tại phiên toà được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Chị Trương Thị H vắng mặt tại phiên toà được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được tổng đạt bản án hoặc niêm yết bản án theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện L;
- VKSND tỉnh B;
- Chi cục THADS huyện L;
- UBND xã L, huyện T, thành phố P;
- Lưu HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Phạm Xuân Hà